

PHỤ LỤC 2:

BẢNG DANH MỤC CHỈ TIÊU ATTP SẢN PHẨM CHÈ VÀ NĂNG LỰC KIỂM NGHIỆM TƯƠNG ỨNG CỦA CÁC PKN ĐƯỢC CHỈ ĐỊNH

STT	Nhóm chỉ tiêu/chỉ tiêu	Mức giới hạn (MRLs) hoặc MRPL						Năng lực kiểm nghiệm của các phòng kiểm nghiệm được chỉ định	
		Codex	Việt Nam		Thị trường xuất khẩu			Chỉ tiêu và kỹ thuật phân tích	
			Quy định	Căn cứ pháp lý	Thị trường	Quy định	Căn cứ pháp lý	Kỹ thuật	Chỉ tiêu
1	Kim loại nặng								
1.1	As	-	1mg/kg	QCVN 8-2:2011/BYT				ICP-MS	LOD (mg/kg): 0,01 (1), 0,005 (2,5), 0,018 (6);0,01 (16), 0,01 (17)
								AAS	LOD: 0,005 mg/kg (4,6);0,02 (7), 0,005 - 0,02 (14), 0,03 (15), 0,001 (18),0,05
1.2	Cd	-	1mg/kg					ICP-MS	LOD (mg/kg): 0,01 (1), 0,005 (2,5), 0,018 (6);0,01 (16), 0,01 (17)
								AAS	LOD: 0,005 mg/kg (4,6);0,02 (7), 0,005 - 0,02 (14), 0,03 (15), 0,001 (18),0,05
1.3	Pb	-	2mg/kg					ICP-MS	LOD (mg/kg) 0,01 (1); 0,005 (2,4,5); 0,1 (16), 0,01 (17)
								AAS	LOD: 0,025 mg/kg (6); 0,1 (7, 16), 0,02 - 0,2 (14), 0,03 (15), 0,01 (18), 0,05 (19)
1.4			0,05mg/kg					ICP-MS	LOD (mg/kg) 0,005 (1,2,4,5);0,1 (16), 0,01 (17)
								AAS	LOD: 0,025 mg/kg (6); 0,1 (7, 16), 0,02 - 0,2 (14), 0,03 (15), 0,01 (18), 0,05 (19)
2	Thuốc BVTV								
2.1	Thuốc BVTV cấm sử dụng tại Việt Nam	-	23 hoạt chất	TT 03/2015/T T-BNNPTN T				LC-MS/MS	(24): 1 hoạt chất;(1): 5 hoạt chất (2): 4 hoạt chất;(3): 3 hoạt chất (4): 6 hoạt chất;(5): 2 hoạt chất (6): 7 hoạt chất;(23): 9 hoạt chất (15), (21): 1 hoạt chất (7), (14), (16): 3 hoạt chất (26): 5 hoạt chất;
								GC-MS	
								GC/MS/MS	

buu

2.2	Thuốc BVTV đã được thiết lập mức giới hạn tối đa cho phép (MRL)	16 hoạt chất	10 hoạt chất	QCVN 01-132:2013/BNNPTN T và QĐ 46/2007/QĐ-BYT	EU	459 hoạt chất	EC 396/2005 ngày 23/2/2005	GC-MS; GC-MS/MS; LC-MS/MS	(1); 54 hoạt chất;(2): 55 hoạt chất
									(3): 19 hoạt chất;(4): 104 hoạt chất
									(5): 8 hoạt chất;(6): 52 hoạt chất
									(7): 55 hoạt chất; (14): 47 hoạt chất
									(15): 24 hoạt chất;(16): 36 hoạt chất
									(18): 12 hoạt chất;(23): 82 hoạt chất
									(17): Nhóm Lân, Clo hữu cơ, carbamate, perythoide;(19): Nhóm Lân, (20): 4 hoạt chất;(22): 12 hoạt chất (25): Nhóm clo hữu cơ, Cúc, phospho, carbamate;(26): 45 hoạt chất
2.3	Thuốc BVTV chưa được thiết lập MRL (mặc định 0,01 ppm)				EU	08 hoạt chất	EC 396/2005 ngày	GC-ECD/ NPD; GC-MS	(23): 4 hoạt chất
					Nhật Bản	03 hoạt chất	Bộ Y tế, LĐ&PL Nhật Bản		(24): 4 hoạt chất

Ghi chú:

(1), (2), (3), (4), (5), (6) : Các Trung tâm vùng 1, 2, 3, 4, 5, 6 thuộc hệ thống Cục Quản lý Chất lượng nông lâm sản và Thủy sản

(23): Trung tâm kiểm định và khảo nghiệm thuốc bảo vệ thực vật phía Bắc; (24): Trung tâm kiểm định và khảo nghiệm thuốc bảo vệ thực vật phía Nam thuộc C

(21): Trung tâm Kiểm tra vệ sinh Thú y Trung ương I thuộc Cục Thú Y

(7): Quatest 3; (10): Công ty TNHH Warrantek; (11): Công ty TNHH Bureau Veritas; (12): Công ty TNHH Hải Ly; (13): Công ty SGS Việt Nam; (14): Trung tâm dịch vụ phân tích thí nghiệm TP HCM; (15): Viện Vệ sinh Y tế công cộng; (16): Trung tâm dịch vụ phân tích thí nghiệm TP HCM chi nhánh Cần Thơ; (17): Công ty TNHH TUV RHEINLAND; (18): Trung tâm phân tích và Kiểm nghiệm Bình Định; (19): Trung tâm Kỹ thuật tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng 2; (20): Trung tâm phân tích và chuyển giao công nghệ môi trường - Viện Môi trường nông nghiệp; (22): Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng Bình Thuận;; (25): PKN của Công ty CP Giám định và Chứng nhận VinaCert; (26): Trung tâm phân tích và thử nghiệm 2 - Vinacontrol